

Bản án số: 870/2024/HS-PT
Ngày: 19-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 732/2024/TLPT- HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Minh T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Minh T (tên gọi khác: K), sinh ngày 15/02/1995 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971 và bà Trần Kim H, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T: Luật sư Nguyễn Thành T2 - Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: A N, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đều có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Minh T: luật sư Nguyễn Hồng N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp F, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nghiêm Xuân P, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị Ngọc T3, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: 3 H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
2. Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1985; địa chỉ: số B B, phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);
3. Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 20/12/2000; địa chỉ: Cụm C, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2021, Nguyễn Minh T sang Campuchia làm việc cho Công ty (không xác định được) do người Trung Quốc (không xác định nhân thân) làm chủ; tại đây T quen biết với Nguyễn Trần Thế Đ do làm việc chung. Đến tháng 9 năm 2022, hết hạn hợp đồng nên Đ trở về Việt Nam còn T ở lại làm việc đến cuối năm 2022 thì nghỉ về quê tại tỉnh Kiên Giang sinh sống. Sau đó đến khoảng tháng 3 năm 2023, Nguyễn Minh T tiếp tục sang Campuchia để làm việc cho Công ty (không xác định) ở khu vực gần cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh do một người Trung Quốc làm chủ (không xác định nhân thân). Công việc mà Công ty giao cho T thực hiện theo kịch bản đã soạn thảo sẵn và phân công công việc cho các bộ phận khác nhau thực hiện gồm bộ phận tìm kiếm khách là những người sử dụng Facebook vào các hội nhóm hẹn hò để tìm khách; bộ phận chăm sóc khách hàng là những người tư vấn, đưa ra các yêu cầu nộp tiền, xử lý việc tham gia đầu tư trên trang Web và bộ phận kế toán thực hiện việc nhận và trả tiền đầu tư. Thế được Công ty trả lương 800 USD/tháng và được hưởng 08% số tiền mà T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt được.

Với thủ đoạn như vậy, sau thời gian nhắn tin, Nguyễn Minh T sử dụng nick name “Quốc Bảo Nguyễn” do Công ty cung cấp nhắn tin lôi kéo, giới thiệu cho bà Nguyễn Thị L tham gia đầu tư dự án “Sân Bay Long Thành Đồng N1” thông qua trang Web “Web.techc.top” và cam kết sẽ được lợi nhuận từ 3 -13% tùy theo gói đầu tư. Bà Len tin theo nên truy cập trang Web “Web.techc.top” đăng ký tài khoản để tham gia đầu tư. Từ ngày 30/3/2023 đến ngày 15/4/2023, bà L chuyển khoản vào các tài khoản do trang Web và T cung cấp 18 lần, tổng số tiền là 4.485.000.000 đồng, trong đó T cùng với Nguyễn Trần Thế Đ và Nghiêm Xuân T5 chiếm đoạt riêng 03 lần với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, cụ thể:

Qua nhắn tin trò chuyện Đ nói với T rằng mình đang cần tiền để tiêu xài và trả nợ thì T hứa sẽ giúp Đ bằng cách chiếm đoạt riêng tiền của bà L. T và Đ thống nhất Đ sẽ là người tìm tài khoản ngân hàng nhận tiền do T lừa tiền từ bà Len chuyển về, sau khi đã chuyển tiền về thì T sẽ cho Đ 20% tổng số tiền lấy được, cụ thể:

Lần 1: vào ngày 30/3/2023, T thông báo cho Đ biết chuẩn bị có tiền chuyển về, yêu cầu Đ cung cấp số tài khoản để nhận tiền thì Đại mượn số tài khoản số

0010185033281 của Nghiêm Xuân T5 để Đ cung cấp cho T sau đó T đưa cho bà L chuyển tiền vào. Sau khi nhận được tiền thì Đ biết T chuyển 5.000.000 đồng (người chuyển là bà L), T cho Đ 1.000.000 đồng và yêu cầu Đ chuyển 4.000.000 đồng cho một người em của T, có số tài khoản 9328229524 tại Ngân hàng V1 tên Phu My N2; số tiền 1.000.000 đồng thì Đ cho T5 500.000 đồng.

Lần 2: vào ngày 03/4/2023, T thông báo cho Đ biết chuẩn bị có tiền chuyển về, yêu cầu Đ cung cấp số tài khoản để nhận tiền thì Đ nói với Nghiêm Xuân T5 “chuẩn bị có tiền ăn trộm từ công ty ở Campuchia chuyển về” yêu cầu T5 cung cấp số tài khoản của T5 sau khi nhận được tiền sẽ được chia tiền, T5 đồng ý nên đưa số tài khoản của T5 0010185033281 cho Đại để Đ gửi cho T. Lần này T chuyển (người chuyển là bà L) 10.000.000 đồng, T cho Đại số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu Đ chuyển số tiền 8.000.000 đồng vào tài khoản Phu My Ngan như trên. Lần này do điện thoại còn ít dung lượng P1 nên T5 chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 25566666666678 ngân hàng M2 của Võ Mộng Như Q và sau đó nhờ Q chuyển số tiền 8.000.000 đồng vào số tài khoản của Phu M Ngan như trên. Sau đó Q rút tiền mặt và đưa cho T5 2.000.000 đồng. Số tiền này T5 và Đ được chia mỗi người 1.000.000 đồng.

Lần 3: vào ngày 06/4/2023, T thông báo cho Đ biết chuẩn bị có tiền chuyển về, yêu cầu Đ cung cấp số tài khoản để nhận tiền, thì Đ nói với Nghiêm Xuân T5 “chuẩn bị có tiền ăn trộm từ công ty ở Campuchia chuyển về” yêu cầu T5 cung cấp số tài khoản của T5 sau khi nhận được tiền sẽ được chia tiền, T5 đồng ý. Do số tài khoản của Nghiêm Xuân T5 bị lỗi nên T5 cung cấp cho Đại số tài khoản 200037389, Ngân hàng V2 của Nguyễn Minh K1 (Tây mượn số tài khoản của K1 và K1 không biết tiền do phạm tội). Lần này T chuyển (người chuyển là bà L) số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi đã nhận được tiền thì T cho Đ, T5 10.000.000 đồng và yêu cầu Đ chuyển 40.000.000 đồng đến số tài khoản 68688688888888 Ngân hàng T8 của Nguyễn Thanh P2 để cho P2 mượn. Sau đó, T5 nhờ K1 chuyển 40.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Thanh P2 và chuyển vào tài khoản của T5 10.000.000 đồng nhưng do T5 nợ K1 1.000.000 đồng trước đó nên K1 chỉ chuyển 9.000.000 đồng vào tài khoản của T5. Tây rút tiền mặt vào đưa cho Đ 5.000.000 đồng và cho T5 4.000.000 đồng.

Trong quá trình dụ dỗ bà Nguyễn Thị L chuyển tiền đầu tư, để tạo lòng tin cho bị hại thì Công ty đã chuyển tiền gốc và lãi vào tài khoản ngân hàng của bà L 09 lần với tổng số tiền 1.678.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng). Đến cuối tháng 4/2023, bà L yêu cầu rút số tiền 2.807.000.000 đồng đã đầu tư nhưng trang Web “Web.techc.top” đưa ra nhiều lý do, liên tục yêu cầu bà L nộp thêm tiền thì mới được rút tiền về, sau đó bà L không truy cập vào tài khoản trên trang Web “Web.techc.top” được nữa. Biết mình đã bị lừa nên ngày 04/5/2023 bà L làm đơn tố giác đến Công an tỉnh B.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 09 tháng 7 năm 2023, Nguyễn Minh T đến Công an tỉnh B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã thu thập dữ liệu điện tử là nội dung tin nhắn Zalo giữa tài khoản Quốc Bảo Nguyễn của Nguyễn Minh T với bà Nguyễn Thị L có nội dung làm quen và dụ dỗ, lôi kéo bà L nộp tiền vào tài khoản 0812835355, mật khẩu bao5555 của T tại trang Web “Web.techc.top” để đầu tư dự án.

Tại Bản kết luận giám định số 917/KL-KTHS ngày 31/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: Tìm thấy 53 (năm mươi ba) tin nhắn Zalo giữa tài khoản “Minh Thế” và tài khoản tên “Đại Nguyễn” có nội dung trao đổi về việc chuyển khoản và nhận chuyển khoản.

Bản Kết luận giám định số 1226/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: Tìm thấy tin nhắn messenger giữa tài khoản “Nguyễn Trần Minh T6” và “Đại Nguyễn” thể hiện trong 03 (ba) hình ảnh và tin nhắn Messenger giữa tài khoản “Nguyễn Trần Thế Đ” và tài khoản tên “Nguyễn Xuân T5” thể hiện trong 02 (hai) hình ảnh chụp từ điện thoại gửi giám định (điện thoại của Nguyễn Trần Thế Đ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T6 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T6 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 09/7/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Nguyễn Trần Thế Đ 02 năm 6 tháng tù và bị cáo Nguyễn Xuân T5 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/7/2024, bị cáo Nguyễn Minh T6 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hành vi của bị cáo là rõ ràng, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và gia đình đã khắc phục một phần thiệt hại với số tiền là 105 triệu đồng và thỏa thuận với bị hại mỗi tháng sẽ trả cho bị hại số tiền 5 triệu đồng cho đến khi hết số tiền 1,3 tỷ đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận kháng cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo xuống mức án 11 năm tù.

Người bào chữa của bị cáo luật sư Nguyễn Thành T2 trình bày: Những vấn đề mà trong bản án sơ thẩm đã lưu, luật sư không nhắc lại. Tuy nhiên, có 02 tình tiết giảm nhẹ mà luật sư cần phải nhắc lại. Thứ nhất, trong thời gian bị cáo làm việc tại Công ty, bị cáo biết là mình đi làm việc lừa đảo, nhưng nếu không làm, không đem thu nhập về cho công ty bị cáo sẽ bị đánh đập, chích điện, bỏ đói... nguy hiểm đến tính mạng. Khi bị cáo biết bà L đã chuyển rất nhiều tiền cho Công ty, bị cáo đã dùng rất nhiều cách để thông báo cho người nhà của bà Len để chuyển tiền nữa (khi bị hại còn chưa biết mình bị lừa). Thứ 2, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn nhưng cũng đã cố gắng hết sức, bồi thường cho bị hại số tiền 100 triệu và thỏa thuận mỗi tháng sẽ cố gắng khắc phục cho bị hại số tiền 5 triệu đồng; và hôm qua là tháng đầu tiên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không tranh luận gì thêm.

Bị hại bà Nguyễn Thị L trình bày: sau khi xét xử sơ thẩm xong, xác nhận gia đình bị cáo có bồi thường thêm khoản tiền 105.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi tháng sẽ tiếp tục trả 5.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, bị cáo xin lỗi bị hại. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

Bị cáo Nguyễn Minh T6 làm việc cho Công ty lừa đảo do người Trung Quốc làm chủ (không xác định nhân thân) có trụ sở đặt tại thành phố B, tỉnh Svay Rieng, Vương quốc C gần cửa khẩu M1, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo biết rõ Công ty dùng thủ đoạn sử dụng nhân viên kết bạn với người Việt Nam qua các nền tảng xã hội như facebook, zalo..., sau khi có được lòng tin sẽ cung cấp thông tin giả để dụ dỗ người bị hại tham gia đầu tư vào các dự án không có thật để kiếm lời nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Với thủ đoạn như trên, Nguyễn Minh T6 đã trực tiếp làm quen, tiếp cận và dụ dỗ bà Nguyễn Thị L đầu tư vào Dự án “Sân Bay Long Thành Đồng N1” thông qua trang Web “Web.techc.top” và cam kết sẽ được lợi nhuận từ 3-13% tùy theo gói đầu tư để chiếm đoạt tiền của bà L. Nghe theo lời bị cáo T6, trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2023 đến ngày 15/4/2023, bà L đã nhiều lần chuyển khoản cho Công ty qua các tài khoản số 5913348888 tại Ngân hàng T9 mang tên Nguyễn Thiên L1 (04 lần), 12233866666 tại Ngân hàng M3 mang tên Nguyễn Văn T7 (10 lần) và 1 lần 14.000.000 đồng nhưng bị cáo và bị

hại không nhớ số tài khoản với tổng số tiền là 4.420.000.000 đồng. Để tạo niềm tin, Công ty cũng đã trả lại bà L tổng số tiền là 1.678.000.000 đồng (qua tài khoản 1020942801 tại Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Hữu H1 1.300.000.000 đồng và tài khoản của Nguyễn Văn T7 378.000.000 đồng). Như vậy, bị cáo T6 đã giúp sức cho Công ty L3 chiếm đoạt 2.742.000.000 đồng của bà L và bản thân bị cáo được hưởng lợi 12.800 USD (khoảng 290.000.000 đồng). Ngoài ra, lợi dụng Công ty cho gọi điện thoại cho các bị hại vào ban đêm, bị cáo T6 với sự giúp sức của các bị cáo Nghiêm Xuân T5 và Nguyễn Trần Thế Đ đã trực tiếp chiếm đoạt 65.000.000 đồng của bà L. Số tiền chiếm đoạt của bà L, bị cáo T6 chia cho Đại 20% tương đương 13.000.000 đồng rồi bị cáo Đ tiếp tục chia cho bị cáo T5 50%, tức là bị cáo T6 hưởng lợi 52.000.000 đồng, bị cáo Đ và T5 mỗi bị cáo hưởng lợi 6.500.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Minh T6 đã có hành vi cùng với những đối tượng người Trung Quốc bằng các thủ đoạn tinh vi, thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Z đã đưa ra thông tin không đúng sự thật đối với bà Nguyễn Thị L để bà L tham gia đầu tư dự án “Sân Bay Long T” thông qua trang Web “Web.techc.top” để chiếm đoạt của bà L số tiền 2.742.000.000 đồng.

Bị cáo Thế là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc dùng thủ đoạn kết bạn làm quen, đưa ra các thông tin để tạo lòng tin dẫn dụ khách hàng tham gia các chương trình không có thật của Công ty là gian dối, mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội.

Hành vi của bị cáo T6 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T6

[2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đầu thú; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha là người được khen thưởng trong công tác từ thiện nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù – mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[2.2] Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm điểm a, k khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự để giảm án cho bị cáo vì bị cáo đã ý thức được hành vi phạm tội của mình nên đã báo cho bị hại biết nhằm giảm bớt

hậu quả xảy ra và bị cáo phạm tội là do bị ép buộc là không có căn cứ bởi lẽ, mặc dù bị cáo có báo để bị hại không tiếp tục chuyển thêm tiền nhưng không làm giảm bớt hậu quả đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra vì thực tế bị hại đã bị chiếm đoạt toàn bộ số tiền chuyển theo yêu cầu của bị cáo. Hơn nữa, bị cáo thực hiện tội phạm là do động cơ kiếm tiền tiêu sài cá nhân nên ý kiến của luật sư không được chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thị L trình bày sau khi xét xử sơ thẩm xong, gia đình bị cáo có bồi thường thêm cho bị hại số tiền 105.000.000 đồng. Đây là tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T6 và một phần ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

[3] Đối với phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại không bị kháng cáo nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị hại xác định sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 105.000.000 đồng nên sửa lại phần trách nhiệm dân sự, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền là 1.265.000.000 đồng.

[4] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Minh T6 không phải chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T6; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T6 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T6 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/7/2023.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Minh T6 và bị hại Nguyễn Thị Len . Bị cáo Nguyễn Minh T6 có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 1.265.000.000 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Minh T6 không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hòa

Trần Văn Đạt

Nguyễn Thị Cúc